

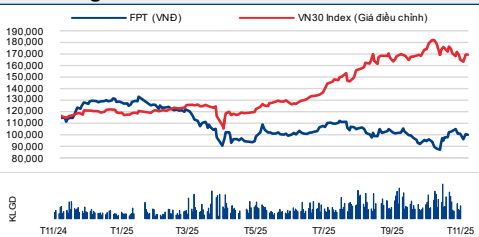
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ123,100
Tiềm năng tăng/giảm: 23.1%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/11/2025)	100,000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	87,000-133,039
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	98,360
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	170,353
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,464
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,704
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	835
Slg CP NN được mua (tr.đv)	187
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	38.1%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	69,408	78,133
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	14,381	16,274
LNTT (tỷ đồng)	11,070	13,038	14,839
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,253	10,509
FCF (tỷ đồng)	8,428	6,088	7,787
EPS ĐC (đồng)	4,296	5,002	5,681
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	20,253	21,841	25,522
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	10.3	13.2
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	1.74	13.6
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	20.7	20.8
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	18.8	19.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	13.3	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	40.0	35.2
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	21.6	22.1
ROAE (%)	28.7	27.6	26.1
ROACE (%)	31.0	27.0	25.6
EV/doanh thu (lần)	2.43	2.56	2.29
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.7	12.4	11.0
P/E ĐC (lần)	23.3	20.0	17.6
P/B (lần)	4.94	4.58	3.92
Lợi suất cổ tức (%)	2.00	2.00	2.00

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên cao cấp, Ngành Công
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Tháng 10/2025: Doanh thu kỷ mới tăng tốc

- FPT công bố KQKD tháng 10/2025 sát với dự báo với lợi nhuận thuần tăng 18,8% so với cùng kỳ và doanh thu thuần tăng 8,2% so với cùng kỳ. Tính chung 10 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 7.822 tỷ đồng (tăng 19,1% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 55,9 nghìn tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ). Các kết quả này bằng lần lượt 81% và 85% dự báo doanh thu thuần và lợi nhuận thuần cho năm 2025 của HSC.
- Lợi nhuận phân khúc Dịch vụ CNTT nước ngoài tiếp tục chịu áp lực (doanh thu tháng 10 tăng 6% so với cùng kỳ trong khi LNTT giảm 2% so với cùng kỳ) do doanh thu tăng trưởng chậm và công suất hoạt động Nhà máy AI thấp. Tuy vậy, doanh thu kỷ mới (chỉ báo chính) ghi nhận phục hồi rõ rệt, tăng 122% so với cùng kỳ và tăng 19% so với tháng trước, vượt mức 4 nghìn tỷ đồng trong tháng 10, nhờ hoạt động ký hợp đồng tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương sôi động trở lại.
- HSC duy trì khuyến nghị Mua vào đối với FPT với giá mục tiêu 123.100đ (tiềm năng tăng giá 23%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 10/2025

FPT công bố KQKD tháng 10/2025 tích cực và sát với dự báo, với lợi nhuận thuần tăng 18,8% so với cùng kỳ đạt 955 tỷ đồng (tăng 2,9% so với tháng trước) trên doanh thu thuần 6.010 tỷ đồng, tăng 8,2% so với cùng kỳ nhưng giảm 1% so với tháng trước. Sự ổn định của lợi nhuận thuần chủ yếu đến từ KQKD mảng Viễn thông và mảng Đầu tư khả quan, cùng với thuế TNDN hiện hành giảm. Chi tiết như sau:

Tăng trưởng doanh thu tiếp tục chậm lại trong tháng 10/2025

Doanh thu tháng 10/2025 của FPT đạt 6.010 tỷ đồng, phản ánh tốc độ tăng trưởng chậm lại còn 8,2% so với cùng kỳ (giảm 1% so với tháng trước) do diễn biến trái chiều giữa các mảng cốt lõi.

Doanh thu mảng Công nghệ trong tháng tăng 13,2% so với cùng kỳ đạt 3.846 tỷ đồng, qua đó đưa doanh thu 10 tháng đầu năm lên 34,8 nghìn tỷ đồng (tăng 10,9% so với cùng kỳ). Mức tăng này được thúc đẩy bởi hai xu hướng rõ nét:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 17/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD T10/2025 & 10 tháng đầu năm 2025, FPT

Lợi nhuận thuần tăng mạnh, khẳng định xu hướng tăng tốc của tăng trưởng doanh thu kỷ mới

Tỷ đồng	T10/25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	10T25	So với cùng kỳ	% 2025 HSCF
Doanh thu	6,010	8.2%	-1.0%	55,897	10.0%	80.5%
CNTT	3,846	13.2%	0.5%	34,795	10.9%	79.8%
Nước ngoài	3,027	6.3%	-3.5%	28,601	12.1%	81.8%
Trong nước	819	49.2%	18.9%	6,194	6.0%	71.4%
Viễn thông	1,641	5.7%	-2.1%	15,928	11.0%	80.3%
Mảng khác	522	-13.7%	-7.9%	5,173	1.8%	87.1%
LNTT	1,265	13.5%	3.3%	10,805	17.1%	82.9%
CNTT	522	-7.3%	-0.8%	4,855	11.0%	80.7%
Nước ngoài	483	-1.6%	-3.2%	4,556	11.0%	82.5%
Trong nước	39	-45.8%	44.4%	299	10.7%	60.3%
Viễn thông	371	18.5%	-1.9%	3,599	20.8%	83.5%
Mảng khác	372	55.6%	15.9%	2,351	25.6%	86.8%
Lợi nhuận thuần	955	18.8%	2.9%	7,822	19.1%	84.5%

Nguồn: FPT, HSC

Phân khúc **Dịch vụ CNTT trong nước** trong tháng ghi nhận kết quả tích cực với doanh thu đạt 819 tỷ đồng, tăng 49,2% so với cùng kỳ và 18,9% so với tháng trước. Đà tăng tốc mạnh mẽ này giúp doanh thu 10 tháng đầu năm của mảng đạt 6.194 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ.

Phân khúc **Dịch vụ CNTT nước ngoài ổn định trở lại (Nhật Bản dẫn dắt tăng trưởng)**: Doanh thu phân khúc Dịch vụ CNTT nước ngoài trong tháng 10 đạt 3.027 tỷ đồng, tăng nhẹ 6,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 3,5% so với tháng trước, qua đó đưa doanh thu 10 tháng đầu năm lên 28,6 nghìn tỷ đồng (tăng 12,1% so với cùng kỳ).

- **Thị trường Nhật Bản tiếp tục vững chắc**: Thị trường Nhật Bản duy trì nền tảng vững chắc cho tăng trưởng quốc tế, với doanh thu tháng 10 tăng mạnh 22,5% so với cùng kỳ (1.331 tỷ đồng) và doanh thu 10 tháng đầu năm tăng 25,9% so với cùng kỳ (12,6 nghìn tỷ đồng).
- **Các thị trường khác ngoài Nhật Bản suy yếu**: Ngược lại, các thị trường ngoài Nhật ghi nhận doanh thu giảm 3,6% so với cùng kỳ trong tháng 10 xuống 1.679 tỷ đồng, phản ánh tình trạng suy yếu kéo dài tại các khu vực này (doanh thu 10 tháng đầu năm: 16 nghìn tỷ đồng, tăng 3,2% so với cùng kỳ).

Doanh thu ký mới tiếp tục đóng vai trò chỉ báo dẫn dắt mạnh trong tháng này, vượt 4 nghìn tỷ đồng. Đây là mức bật tăng mạnh, tăng 122% so với cùng kỳ và 19% so với tháng trước, đạt mức doanh thu hằng tháng cao thứ hai trong vòng 18 tháng qua. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ sự phục hồi tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương, cùng với sự ổn định tại Nhật Bản và EU. Tính chung 10 tháng đầu năm 2025, doanh thu ký mới đạt 33,4 nghìn tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ.

Viễn thông: Mảng Viễn thông, chủ yếu được dẫn dắt bởi dịch vụ băng thông rộng, ghi nhận doanh thu trong tháng 10 tăng khiêm tốn 5,7% so với cùng kỳ đạt 1.641 tỷ đồng (giảm 2,1% so với tháng trước). Kết quả này đóng góp vào mức tăng trưởng ổn định 11% so với cùng kỳ của mảng trong 10 tháng đầu năm 2025, đạt 15,9 nghìn tỷ đồng.

Giáo dục & Đầu tư: Mảng này chịu áp lực lớn nhất khi doanh thu tháng 10 giảm 13,7% so với cùng kỳ và giảm 7,9% so với tháng trước, đạt 522 tỷ đồng. Sự sụt giảm doanh thu chủ yếu do tăng trưởng tuyển sinh chậm hơn dự kiến và số lượng người học quy đổi trong năm 2025 giảm 7,2% so với cùng kỳ xuống 141.000 người. Tính chung 10 tháng đầu năm 2025, doanh thu của mảng chỉ tăng nhẹ 1,8% so với cùng kỳ đạt 5,2 nghìn tỷ đồng.

Tỷ suất lợi nhuận đạt mức cao kỷ lục bất chấp áp lực tại mảng Công nghệ

LNTT tháng 10 của FPT đạt 1.265 tỷ đồng, tăng 13,5% so với cùng kỳ và 3,3% so với tháng trước, qua đó thiết lập mức tỷ suất LNTT kỷ lục 21%, dù doanh thu tăng trưởng chậm lại. Kết quả tích cực này giúp LNTT 10 tháng đầu năm 2025 đạt 10,8 nghìn tỷ đồng (tăng 17,1% so với cùng kỳ), tương đương 82,9% dự báo cho năm 2025 của HSC, tiếp tục duy trì tiến độ tăng trưởng tốt. **Phân tích theo từng mảng**:

Giáo dục & Đầu tư: Mảng này là động lực chính giúp tập đoàn ghi nhận tỷ suất lợi nhuận kỷ lục, khi LNTT tháng 10 tăng mạnh 55,6% so với cùng kỳ và 15,9% so với tháng trước, đạt 372 tỷ đồng. Đà tăng mạnh này giúp LNTT 10 tháng đầu năm tăng 25,6% so với cùng kỳ, đạt 2,4 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ lợi nhuận đóng góp lớn từ các công ty liên doanh & liên kết.

Viễn thông: Mảng này tiếp tục ghi nhận tỷ suất lợi nhuận tích cực, với LNTT tháng 10 tăng 18,5% so với cùng kỳ, đạt 371 tỷ đồng. Kết quả này phản ánh những nỗ lực cải thiện tỷ suất lợi nhuận (ở mảng băng thông rộng và PayTV), qua đó giúp LNTT 10 tháng đầu năm 2025 tăng 20,8% so với cùng kỳ, đạt 3,6 nghìn tỷ đồng.

Công nghệ: Tỷ suất lợi nhuận của mảng Công nghệ vẫn chịu sức ép khi LNTT tháng 10 giảm 7,3% so với cùng kỳ và giảm 0,8% so với tháng trước, đạt 522

tỷ đồng. Nguyên nhân chính kéo giảm lợi nhuận là công suất hoạt động thấp tại các nhà máy AI mới. Nếu loại trừ tác động này, tăng trưởng nền tảng từ mảng công nghệ cốt lõi vẫn duy trì tích cực.

Lợi nhuận thuần tháng 10 tăng 18,8% so với cùng kỳ (tăng 2,9% so với tháng trước), cao hơn mức tăng của LNTT, nhờ thuế TNDN hiện hành giảm. Tính chung 10 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần đạt 7,8 nghìn tỷ đồng (tăng 19,1% so với cùng kỳ), tương đương 84,5% dự báo cả năm 2025 của HSC ở mức 9.262 tỷ đồng.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

HSC duy trì dự báo cho năm 2025 với doanh thu thuần đạt 69,4 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 10,4%) và lợi nhuận thuần đạt 9.262 tỷ đồng (tăng trưởng 17,9%). FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 17,9 lần, so với bình quân 3 năm ở mức 19,1 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào.

Bảng 2: Biến động tỷ suất lợi nhuận hàng tháng, FPT

Tỷ suất LNTT đạt mức cao kỷ lục mới nhờ tỷ suất lợi nhuận mảng Đầu tư tăng mạnh

%	2T25	T3/25	T4/25	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	T9/25	T10/25
Tỷ suất LNTT	18.1%	20.3%	18.9%	18.8%	19.0%	19.0%	19.5%	20.2%	21.0%
CNTT	13.6%	16.1%	12.1%	14.5%	14.4%	13.3%	14.5%	13.7%	13.6%
Nước ngoài	16.4%	18.1%	14.2%	16.1%	15.3%	15.3%	15.6%	15.9%	16.0%
Trong nước	-2.4%	7.2%	1.7%	7.9%	10.6%	2.4%	9.6%	3.9%	4.8%
Viễn thông	19.1%	25.1%	23.6%	23.7%	23.6%	23.2%	23.2%	22.6%	22.6%
Giáo dục & Đầu tư	38.7%	35.0%	48.4%	31.9%	38.3%	54.0%	43.2%	56.6%	71.3%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	13.2%	14.2%	13.1%	13.0%	14.6%	13.2%	13.8%	15.3%	15.9%

Nguồn: FPT, HSC

Bảng 3: Doanh thu ký mới, FPT

Doanh thu ký mới tăng mạnh trong tháng 10/2025 (tăng 12% so với cùng kỳ và tăng 19% so với tháng trước)

Tỷ đồng	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	T10/25	10T25
Số lượng đơn hàng mới	9,845	9,175	6,657	7,317	11,505	8,404	9,454	4,022	33,385
So với cùng kỳ	-3%	89%	17%	-19%	17%	-8%	42%	122%	21%
So với quý trước (so với tháng trước đối với T10/25)	9%	-7%	-27%	10%	57%	-27%	12%	19%	

Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	69,408	78,133	89,534
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	26,791	29,662	33,629
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,334)	(16,662)	(18,896)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,457	13,000	14,733
Lãi vay thuần	618	124	944	1,082	1,483
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	587	702	874
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	49.2	55.4	63.5
LN TT	9,203	11,070	13,038	14,839	17,154
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,949)	(2,264)	(2,638)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,826)	(2,056)	(2,260)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,262	10,519	12,255
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,253	10,509	12,244
EBITDA ĐC	10,738	13,044	14,381	16,274	18,697
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,002	5,681	6,619
EPS ĐC (đồng)	3,523	4,296	5,002	5,681	6,619
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,704	1,704	1,704
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,704	1,704	1,704
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,704	1,704	1,704

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	12,727	10,910	10,316
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	28,321	36,817	47,862
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	13,040	15,128	17,336
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,082	2,344	2,686
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,542	1,736	1,990
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	57,712	66,935	80,189
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	16,790	16,861	16,618
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	6,056	6,400	6,967
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,430	29,012	29,451
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	86,142	95,947	109,640
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	17,352	18,752	20,593
Phải trả người bán	2,603	4,424	3,470	3,907	4,477
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	14,289	16,085	18,432
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	38,339	42,377	47,665
Nợ dài hạn	208	501	2,700	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	348	391	448
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	3,476	1,905	2,065
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	41,815	44,282	49,731
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	37,207	43,477	50,493
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	7,120	8,188	9,416
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	44,326	51,665	59,909
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	86,142	95,947	109,640
BVPS (đ)	19,665	20,253	21,841	25,522	29,640
Nợ thuần/(tiền mặt)	5,767	5,632	7,325	8,842	11,277

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,457	13,000	14,733
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(2,924)	(3,274)	(3,964)
Lãi vay thuần	618	124	944	1,082	1,483
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,949)	(2,264)	(2,638)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(3,632)	(1,623)	(1,599)
Khác	(1,102)	(125)	1,090	(1,936)	(2,036)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	10,833	11,533	13,907
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(4,745)	(3,747)	(4,162)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(6,650)	(8,616)	(11,171)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	2,275	2,720	3,250
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(9,120)	(9,643)	(12,083)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,407)	(3,407)	(4,259)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	5,105	(300)	1,841
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	1,698	(3,707)	(2,418)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	12,727	10,910
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	3,411	(1,817)	(594)
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	12,727	10,910	10,316
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	6,088	7,787	9,745

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	38.6	38.0	37.6
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	20.7	20.8	20.9
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	13.3	13.5	13.7
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.0	15.3	15.4
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	10.4	12.6	14.6
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	10.3	13.2	14.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	17.9	13.6	16.5
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	1.74	13.6	16.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.9	16.4	13.6	16.5
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0	0	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	40.0	35.2	37.8
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	27.6	26.1	26.1
ROACE (%)	29.3	31.0	27.0	25.6	25.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.88	0.86	0.87
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	0.95	0.89	0.94
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	17.8	17.7	17.5
Số ngày phải thu	109	106	112	114	113
Số ngày phải trả	29.4	41.2	29.7	29.4	29.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	21.6	22.1	24.1
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	24.1	21.4	20.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.44	1.26	1.20
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.51	1.58	1.68
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.52	2.43	2.56	2.29	2.03
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.4	11.7	12.4	11.0	9.71
P/E (lần)	21.5	20.3	20.0	17.6	15.1
P/E ĐC (lần)	28.4	23.3	20.0	17.6	15.1
P/B (lần)	5.09	4.94	4.58	3.92	3.37
Lợi suất cổ tức (%)	2.00	2.00	2.00	2.00	2.50

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn